

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày 29/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Anh Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Miên;

- Bà Võ Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2021/HSST, ngày 18 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01/9/1982 tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; bị cáo có vợ tên Trần Thị S, sinh năm 1984; bị cáo có 04 (bốn) người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/02/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Minh H, tên gọi khác: Không, sinh ngày 02/9/2001 tại thành phố Pleiku, tỉnh G.

Nơi cư trú: Số nhà 91A, đường L, phường T, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam;

tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Minh H, sinh năm 1979 và bà Trương Thị Di A, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2021 đến ngày 07/01/2021 được trả tự do. Từ ngày 26/02/2021 đến nay bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Anh Lê Hoàng Bảo K, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 04/01/2021, do có nhu cầu mua pháo để sử dụng trong dịp Tết Nguyên Đán nên Phan Minh H đã tìm hiểu và biết được số điện thoại 0867846567 của Lê Văn T có bán pháo. H sử dụng số điện thoại 0987202356 gọi cho T hỏi mua pháo. T đồng ý bán với giá 600.000 đồng/hộp pháo hoa và 350.000 đồng/bịch pháo bi. H đồng ý mua 05 hộp pháo hoa và 10 bịch pháo bi. T yêu cầu H phải chuyển trước 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để đặt cọc. H mượn số tài khoản ngân hàng của bạn chuyển cho T 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). T hẹn H khoảng 18 giờ cùng ngày sẽ giao nhận hàng tại khu vực nghĩa địa thuộc làng Nú, xã Ia Nan, huyện Đ, tỉnh G. Sau đó, Lê Văn T đến khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia tìm mua của một người bán pháo không rõ lai lịch số lượng pháo như H đã đặt và hẹn giao pháo đến trước cổng xưởng gỗ của Trương Quốc Thu, gần nghĩa địa thuộc làng Nú, xã Ia Nan, huyện Đ, rồi T về đợi. Đến khoảng 18 giờ 00 cùng ngày, có một người không rõ lai lịch mang pháo đến, T ra nhận pháo rồi hẹn người này 19 giờ quay lại lấy tiền.

Đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, Phan Minh H đi xe taxi màu xanh của hãng Mai Linh, biển số đăng ký 81A-087.47 do anh Lê Hoàng Bảo K, sinh năm 1998, trú tại tổ 4, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh G điều khiển đến điểm hẹn. H gọi T ra đón. Sau khi nhận ra nhau, H đưa cho T 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) còn lại. H đến kiểm tra, thấy đúng là pháo như thỏa thuận thì mang bỏ vào cốp sau của xe taxi. H yêu cầu K chờ quay lại thành phố Pleiku. Đến khoảng 19 giờ 30 phút, cùng ngày K điều khiển xe taxi chở H đến khu vực nghĩa trang Liệt sĩ huyện Đ thì gặp lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện Đ, tỉnh G đang triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra nồng độ cồn của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên

Quốc lộ 19. Lực lượng Cảnh sát giao thông dừng xe của K để kiểm tra thì phát hiện H có mang theo 05 (năm) hộp pháo hoa và 10 (mười) bì pháo bi vừa mua được của T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã phối hợp kiểm tra và thu giữ toàn bộ tang vật nêu trên.

Đối với Lê Văn T, sau khi giao pháo cho H xong thì T đã gặp đối tượng bán pháo để trả số tiền 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) mua pháo trước đó và giữ lại số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) là lợi nhuận có được từ việc bị cáo bán pháo. Sau đó, biết được Phan Minh H tàng trữ pháo đã bị bắt, T nghĩ hành vi buôn bán pháo của mình đã bị phát hiện nên ngày 06/01/2021, đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để đầu thú và Kì nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận giám định số: 54/KLGĐ, ngày 12/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận:

- 05 (năm) hộp giấy kín, bên ngoài dán giấy màu in chữ “C0837”, bên trong mỗi hộp đều có 49 (bốn mươi chín) vật hình trụ có dây nối liên kết với nhau đựng trong 01 (một) bao xác rắn màu xanh chuyển đến giám định là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo; khi đốt bay lên cao, gây tiếng nổ và phát ra ánh sáng màu). Tổng khối lượng 8,3kg.

- 10 (mười) túi nilon trong suốt, bên trong mỗi bì nilon có 100 (một trăm) vật hình cầu bằng nhựa, đường kính 2,5cm, có gắn đoạn dây màu xanh chuyển đến giám định là pháo nổ. Tổng khối lượng là 4,5kg.

Tổng khối lượng 05 hộp pháo và 10 bì pháo bi là 12,8 kg (mười hai phẩy tám ki lô gam).

Tại Bản Cáo trạng số: 21/CT-VKS, ngày 14/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố:

- Bị cáo Lê Văn T về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Phan Minh H về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị:

- Về tội danh:

Đề nghị tuyên bố:

Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phan Minh H phạm tội “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về mức hình phạt:

Đề nghị:

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn T.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Minh H.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 15 (mười lăm) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Phan Minh H từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

- **Về xử lý vật chứng của vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng vụ án theo quy định pháp luật.

- **Về án phí:** Các bị cáo Lê Văn T và Phan Minh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 18 giờ 30, ngày 04/01/2021, Lê Văn T có hành vi bán cho Phan Minh H 05 (năm) hộp pháo và 10 (mười) bì pháo bì tại làng Núi, xã Ia Nan, huyện Đ, tỉnh G. Sau khi mua pháo của T, H đã thuê xe taxi chở pháo về nhà tại thành phố Pleiku, tỉnh G với mục đích tàng trữ để sử dụng trong dịp Tết Nguyên Đán năm 2021 thì bị Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Sau khi vụ án bị phát hiện, bị cáo Lê Văn T đã đến Công an huyện Đ đầu thú Ki nhận hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định số: 54/KLGĐ, ngày 12/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận:

+ 05 (năm) hộp giấy kín, bên ngoài dán giấy màu in chữ “**C0837**”, bên trong mỗi hộp đều có 49 (bốn mươi chín) vật hình trụ có dây nối liên kết với nhau đựng trong 01 (một) bao xác rắn màu xanh chuyển đến giám định là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo; khi đốt bay lên cao, gây tiến nổ và phát ra ánh sáng màu). Tổng khối lượng 8,3kg.

+ 10 (mười) túi nilon trong suốt, bên trong mỗi bì nilon có 100 (một trăm) vật hình cầu bằng nhựa, đường kính 2,5cm, có gắn đoạn dây màu xanh chuyển đến giám định là pháo nổ. Tổng khối lượng là 4,5kg.

Tổng khối lượng 05 hộp pháo và 10 bì pháo bi là 12,8 kg (mười hai phẩy tám ki lô gam).

[2] Lời Ki nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn T và Phan Minh H trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời Ki của người làm chứng.

[3] Hành vi buôn bán 12,8 kg pháo nổ cho Phan Minh H của bị cáo Lê Văn T đã phạm vào tội: “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hành vi tàng trữ 12,8 kg pháo nổ với mục đích để sử dụng của Phan Minh H đã phạm vào tội: “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng số: 21/CT-VKS, ngày 14/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Pháo nổ là sản phẩm Nhà nước độc quyền quản lý và cấm lưu hành, trao đổi, buôn bán, tàng trữ. Việc sử dụng pháo nổ trái phép gây nguy hiểm cho bản thân người sử dụng và cộng đồng dân cư. Hành vi buôn bán pháo nổ của Lê Văn T và hành vi tàng trữ pháo nổ nhằm mục đích để sử dụng của Phan Minh H là nguy hiểm cho xã hội. Bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức rõ việc buôn bán, tàng trữ, sử dụng pháo nổ trái phép là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì hám lời và thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn Ki báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Lê Văn T đã ra đầu thú Ki

nhận hành vi phạm tội. Bị cáo Phan Minh H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo Phan Minh H và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo Lê Văn T là phù hợp.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Phan Minh H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo lần đầu phạm tội hành vi phạm tội của bị cáo ít nghiêm trọng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[7] Đối với bị cáo Lê Văn T phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo tu dưỡng, sửa chữa lỗi lầm.

[8] Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Đối với đối tượng đã bán pháo cho Lê Văn T. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tiến hành xác minh nhưng đến nay vẫn chưa xác định được. Vì vậy, kiến nghị với Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiếp tục điều tra, xác minh, đủ căn cứ phải xử lý.

[10] Đối với Lê Hoàng Bảo K là nhân viên Công ty vận tải taxi Mai Linh G. Ngày 04/01/2021, K đã chở Phan Minh H từ Pleiku đến làng Núi, xã Ia Nan, huyện Đ, tỉnh G để mua pháo nổ của T, sau đó H đem số pháo bỏ sau cốp xe của K. Quá trình điều tra xác định, K không biết việc mua và tàng trữ pháo nổ của bị cáo H. Vì vậy, không xử lý đối với K là phù hợp.

[11] Đối với số tài khoản ngân hàng mà Phan Minh H đã sử dụng để chuyển tiền cọc và số tài khoản mà Lê Văn T sử dụng để nhận tiền đặt cọc. Do cả T và H đều không sử dụng tài khoản ngân hàng, cả hai đã đưa tiền nhờ người khác chuyển và nhận tiền đặt cọc. Tuy nhiên, cả hai đều không còn nhớ đã nhờ ai chuyển và nhận tiền, cũng không nhớ số tài khoản ngân hàng người đó sử dụng. Vì vậy, kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiếp tục điều tra, xác minh, đủ căn cứ phải xử lý.

[12] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe ô tô biển số đăng ký 81A-087.47 thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Mai Linh G. Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô này không phải là phương tiện phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại chiếc

xe này cho đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV Mai Linh là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- 04 (bốn) hộp giấy, bên ngoài dán giấy màu in chữ “**C0837**”, có khối lượng 6,6kg; 09 (chín) bì nylon trong suốt, bên trong mỗi bì có 100 (một trăm) vật hình cầu bằng nhựa, đường kính 2,5cm, có gắn đoạn dây màu xanh, có khối lượng 4,05kg. Được niêm phong trong 01 (một) bao xác rắn có các dấu tròn nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH G” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Trần Đình Ngự và Nguyễn Văn Thao. Toàn bộ là pháo nổ còn lại sau giám định, là vật cấm lưu hành, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động, vỏ màu đồng, phía sau có ghi chữ Iphone, không kiểm tra tình trạng bên trong. Là công cụ, phương tiện mà Phan Minh H đã dùng vào việc phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

+ Số tiền 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền mà bị cáo Lê Văn T có được từ việc thu lợi bất chính. Vì vậy, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[13] Về án phí: Các bị cáo Lê Văn T và Phan Minh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 190; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn T.

- Điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Minh H.

- Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”.

Tuyên bố bị cáo Phan Minh H phạm tội: “Tàng trữ hàng cấm”.

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Phan Minh H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 29/7/2021.

Giao bị cáo Phan Minh H cho Ủy ban nhân dân phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) hộp giấy, bên ngoài dán giấy màu in chữ “C0837”, có khối lượng 6,6kg và 09 (chín) bì nilon trong suốt, bên trong mỗi bì có 100 (một trăm) vật hình cầu bằng nhựa, đường kính 2,5cm, có gắn đoạn dây màu xanh, có khối lượng 4,05kg. Được niêm phong trong 01 (một) bao xác rắn có các dấu tròn nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH G” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh Tâm, Trần Đình Ngự và Nguyễn Văn Thao.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động, vỏ màu đồng, phía sau có ghi chữ Iphone, không kiểm tra tình trạng bên trong.

+ Số tiền 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền mà bị cáo Lê Văn T có được từ việc thu lợi bất chính. Vì vậy, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/6/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn T và Phan Minh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/7/2021) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Những người TGTG khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đặng Anh Việt

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người TGTĐ khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đặng Anh Việt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

